

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tài chính trên địa bàn thành phố Cần Thơ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Quyết định số 1356/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3154/QĐ-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính lĩnh vực Tài chính trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tài chính trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Đính kèm Danh mục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP;
- UBND TP (1C);
- VP UBND TP (2B,7);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, TL

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Nam

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ
TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI
HÀNH CHÍNH BỊ BẠI BỎ TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH**
(Kèm theo Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	Mã TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
1	2.000024.000.00.00.H13	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)
2	1.000016.000.00.00.H13	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)
3	2.000005.000.00.00.H13	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)
4	2.002005.000.00.00.H13	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)
5	2.002004.000.00.00.H13	Thủ tục thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư (cấp tỉnh)
6	1.009642.000.00.00.H13	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh
7	1.009644.000.00.00.H13	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh
8	1.009645.000.00.00.H13	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh
9	1.009646.000.00.00.H13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh
10	1.009647.000.00.00.H13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh
11	1.009649.000.00.00.H13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh
12	1.009650.000.00.00.H13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự

STT	Mã TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
		án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh
13	1.009652.000.00.00.H13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh
14	1.009653.000.00.00.H13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh
15	1.009654.000.00.00.H13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh
16	1.009655.000.00.00.H13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh
17	1.009656.000.00.00.H13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
18	1.009657.000.00.00.H13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
19	1.009659.000.00.00.H13	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở

STT	Mã TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
		Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
20	1.009661.000.00.00.H13	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
21	1.009662.000.00.00.H13	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
22	1.009664.000.00.00.H13	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư
23	1.009665.000.00.00.H13	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
24	1.009671.000.00.00.H13	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
25	1.009729.000.00.00.H13	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài
26	1.009731.000.00.00.H13	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
27	1.009736.000.00.00.H13	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
28	1.012994.H13	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (theo thứ tự số 80 tại Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)